

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 14-4-2022
V/v “*Tranh chấp HĐ vay TS*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Ông Trần Quang Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Ông L, xã B, thị xã K, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Loan là: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ. Tạm trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

(*Ông B có đơn xin vắng mặt; Anh K và anh P có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 và quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị T do anh Nguyễn Văn K đại diện theo ủy quyền trình bày tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2021, bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà Dương Thị Cẩm L, ông Nguyễn Thanh B vay 03 lần với tổng số tiền là 155.000.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 23/3/2021, số tiền 100.000.000đ;
- Lần 2: Ngày 26/3/2021, số tiền 40.000.000đ;
- Lần 3: Ngày 08/4/2021 số tiền 15.000.000đ.

Các lần vay tiền, bà L đều có viết biên nhận nợ và ký tên, mục đích vay tiền là để làm ăn, thời hạn trả hai bên thỏa thuận miệng đến ngày 01/5/2021 sẽ trả cả gốc và lãi, mức lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Tuy nhiên, khi đến hạn trả, vợ chồng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng vợ chồng bà L không thực hiện.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Cẩm L, ông Nguyễn Thanh B liên đới trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T các khoản tiền vay vào các ngày 23/3/2021, 26/3/2021, 08/4/2021, tổng cộng là 166.530.000đ. Trong đó nợ gốc là 155.000.000đ, tiền lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày khởi kiện 07/01/2022 là 11.530.000đ ($155.000.000đ \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 11.530.000đ$). Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông B là do bà L vay tiền của bà T về để kinh doanh dịch vụ nấu ăn, lợi nhuận thu được bà L dùng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, chăm lo con cái, phát triển tài sản gia đình, thì ông B là chồng của bà L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Bà T không đồng ý cho trả dần cũng như không đồng ý miễn tiền lãi.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K đại diện cho bà T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 05/01/2022, chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 155.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, khoản tiền lãi được làm tròn là 4.000.000đ. Tổng cộng khoản tiền gốc và lãi mà bà T yêu cầu là 159.000.000đ.

Bị đơn Dương Thị Cẩm L do anh Lê Thanh P đại diện theo ủy quyền, có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa được tóm tắt như sau: Bà L thừa nhận có vay của bà T tổng số tiền là 155.000.000đ. Bà L xác định đây chỉ là khoản vay của cá nhân bà L, không liên quan đến chồng bà L là ông B. Khi vay tiền của bà T chỉ có bà L ký tên, không có ông B ký. Mục đích bà L vay tiền là để chi tiêu cho cá nhân bà L, không có việc sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ nấu ăn như phía bà T trình bày, nên việc trả nợ của bà L không liên đới trách nhiệm của ông B. Do đó, bà L đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà T số tiền gốc đã vay là 155.000.000đ và khoản tiền lãi là 4.000.000đ theo yêu cầu của bà T, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Bị đơn Nguyễn Thanh B vắng mặt, nhưng có gửi bản tự khai ngày

02/3/2022, với nội dung tóm tắt như sau: Ông B không đồng ý liên đới trách nhiệm với bà L trả nợ số tiền 166.530.000đ theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Bởi vì, khi vợ ông là bà L vay tiền của bà T thì ông không hề hay biết và khoản tiền này bà L cũng không có sử dụng vào mục đích chung vợ chồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến như sau:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định việc bà L vay tổng số tiền 155.000.000đ từ bà T là sự thật. Nội dung biên nhận vay tiền không thể hiện thời hạn trả, không thể hiện lãi suất, nên cần xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bên cho vay khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 05/01/2022, chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 155.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu liên quan đến 01 phần tiền lãi mà phía nguyên đơn đã rút. Đối với yêu cầu của bà T về việc buộc ông B (chồng bà L) liên đới trách nhiệm trả khoản nợ vay, nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh khoản tiền 155.000.000đ mà bà L vay là để sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ nấu ăn, phát triển tài sản chung của gia đình ông B, bà L, nên không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L phải trả cho bà T khoản nợ gốc 155.000.000đ và khoản tiền lãi trên số nợ gốc 155.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, qua hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần giải quyết vụ án. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 05/01/2022, chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 155.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2022. Việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần

yêu cầu tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 05/01/2022 của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ vay tiền giữa các bên, thấy rằng: Căn cứ nội dung biên nhận ghi ngày 23/3/2021, 26/3/2021 và 08/4/2021 và sự thừa nhận của bà Dương Thị Cẩm L, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà L có xác lập các hợp đồng vay tiền của bà Nguyễn Thị T vào các ngày 23/3/2021, 26/3/2021 và 08/4/2021, với tổng số tiền là 155.000.000đ. Nội dung biên nhận vay tiền không thể hiện thời gian trả tiền vay, không thể hiện lãi suất cho vay. Bà T cho rằng khi vay các bên có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 01/5/2021, lãi suất là 2%/tháng, nhưng không được phía bà L thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Ngày 28/12/2021, bà T đã có “Thông báo về việc trả nợ ngày 28/12/2021” gửi cho bà L, ông B yêu cầu phải trả khoản nợ 155.000.000đ trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày 28/12/2021 đến hết ngày 05/01/2022. Tuy nhiên, phía bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà T khởi kiện phía bà L yêu cầu trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T về việc buộc ông B (chồng bà L) liên đới trách nhiệm trả nợ, thấy rằng: Nội dung biên nhận vay tiền ngày 23/3/2021, 26/3/2021 và 08/4/2021, không có chữ ký của ông B, không thể hiện ông B có liên quan đến việc vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, ông B không thừa nhận có liên quan đến việc vay tiền của bà L, không thừa nhận việc bà L vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà L thì xác định bà vay tiền của bà T là để chi tiêu cho mục đích cá nhân của bà, không liên quan đến chồng bà là ông B. Bà T cho rằng khoản tiền vay 155.000.000đ từ bà T, được bà L sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ nấu ăn, lợi nhuận thu được là để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình bà L, nên ông B phải liên đới trách nhiệm cùng bà L trả nợ. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến trình bày một phía của bà T, mà không có chứng cứ chứng minh, trong khi bà L, ông B không thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định khoản tiền vay 155.000.000đ từ bà T được bà L sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ nấu ăn, lợi nhuận thu được là để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, nên không có căn cứ buộc ông B (chồng bà L) phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà L.

[2.3] Về yêu cầu trả lãi và mức lãi suất: Như đã phân tích ở đoạn [2.1], đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào, nhưng phải báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do các bên không có thỏa thuận nào khác về thời điểm trả nợ, nên căn cứ “Thông báo về việc trả nợ ngày 28/12/2021” mà bà T gửi cho bà L, yêu cầu phải trả khoản nợ 155.000.000đ trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày 28/12/2021 đến hết ngày 05/01/2022, Hội đồng xét xử xác định thời điểm đến hạn bên vay phải trả nợ là tính đến hết ngày 05/01/2022, thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày “hết thời gian hợp

lý” đến ngày xét xử sơ thẩm, theo đúng hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tương ứng trong trường hợp này là ngày 06/01/2022. Khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất, nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng mức 0,83%/tháng là phù hợp. Do đến hạn trả nợ, bên vay là bà L vẫn không thực hiện nghĩa trả nợ, nên bên cho vay là bà T khởi kiện yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2022 là có căn cứ. Cụ thể khoản tiền lãi được tính như sau: $155.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 03 \text{ tháng } 08 \text{ ngày}$ (từ ngày 06/01/2022 đến ngày 14/4/2022 là 03 tháng 08 ngày) = 4.202.500đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh K đại diện nguyên đơn Nguyễn Thị T có ý kiến đồng ý làm tròn khoản tiền lãi từ 4.202.500đ thành 4.000.000đ, là có lợi cho bà L, được đại diện của bà L là anh Lê Thanh P đồng ý, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về đề nghị xin trả dần khoản tiền nợ của bà L, thấy rằng: Phía nguyên đơn Nguyễn Thị T (do anh K đại diện) không đồng ý việc xin trả dần của bà L, pháp luật cũng không quy định việc cho trả dần trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích trên, cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L phải trả cho bà T khoản nợ gốc 155.000.000đ và khoản tiền lãi trên số nợ gốc 155.000.000đ, theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 06/01/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà T khoản tiền gốc đã vay là 155.000.000đ, khoản tiền lãi là 4.000.000đ, tổng cộng là 159.000.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Dương Thị Cẩm L phải chịu án phí là 7.950.000đ. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, Điều 30, Điều 37 và Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Dương Thị Cẩm L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền gốc đã vay theo biên nhận vay ngày 23/3/2021, 26/3/2021 và 08/4/2021 là 155.000.000đ, khoản tiền lãi là 4.000.000đ, tổng cộng là 159.000.000đ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Nguyễn Thanh B (chồng bà L) liên đới trách nhiệm trả nợ cùng bà L.

4. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T liên quan đến phần yêu cầu tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày 05/01/2022 đã nêu trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2022.

5. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Cẩm L phải nộp 7.950.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.163.250đ theo biên lai thu số 0004142 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn Nguyễn Thị T, bị đơn Dương Thị Cẩm L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh